

Bản án số: 101/2017/KDTM - ST
Ngày: 26 tháng 7 năm 2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm, Thư ký Tòa án nhân dân quận T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Tố Trinh, Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2014/TLST-KDTM ngày 17 tháng 6 năm 2014 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2017/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 194/2017/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N - Chi nhánh 11 - Phòng Giao dịch H;

Trụ sở chính: 18 đường D, xã M, huyện T, Thành phố Hà Nội; trụ sở chi nhánh: 485 đường L, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959 (có mặt); địa chỉ: 219/90A đường A, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền số 266A/GUQ-NHNo11-HCNS ngày 20 tháng 7 năm 2015).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên N; địa chỉ: 449/64 đường T, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ao Trọng H, sinh năm 1978 (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Ao Trọng H, sinh năm 1978 (vắng mặt); địa chỉ: 449/64 đường T, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Ông Trần Duy Bảo M, sinh năm 1979 (xin vắng mặt)

3.3 Bà Cún Vầy H, sinh năm 1982 (xin vắng mặt)

3.4 Trẻ Trần Gia P, sinh năm 2009 (xin vắng mặt)

3.4 Trẻ Trần Gia M, sinh năm 2011 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 13/1/1 Đường L, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các buổi làm việc; Ngân hàng N - Chi nhánh 11 - Phòng Giao dịch H có ông Nguyễn Văn T đại diện hợp pháp trình bày: Ngày 25 tháng 01 năm 2011 Ngân hàng N - Chi nhánh 11 - Phòng giao dịch T (nay là Phòng Giao Dịch H) ký với Công ty TNHH Một thành viên N hợp đồng tín dụng số: 6480-LAV-201100064, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2011 đến ngày 26 tháng 01 năm 2012. Lãi suất trong hạn: 18%/năm, lãi suất quá hạn tối đa: 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo cho khoản vay trên Công ty TNHH Một thành viên N thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 45/2004 do Ủy ban nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 01 năm 2004 tại địa chỉ: 37/9/1 (số mới 13/1/1) Đường L, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Ao Trọng H, tài sản được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Phòng Tài nguyên và Môi trường quận P, Thành phố Hồ Chí Minh số 904/11 ngày 26 tháng 01 năm 2011 và được ông Ao Trọng H đứng ra bảo lãnh cá nhân cho khoản vay trên.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH Một thành viên N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi như cam kết, để nợ quá hạn kéo dài từ ngày 26 tháng 10 năm 2011 đến nay. Ngân hàng N - Chi nhánh 11 - Phòng Giao dịch H đã nhiều lần nhắc nhở nhưng Công ty TNHH Một thành viên N không có phản hồi.

Tính đến ngày 26 tháng 7 năm 2017, Công ty TNHH Một thành viên N còn nợ Ngân hàng N - Chi nhánh 11 - Phòng Giao dịch H số tiền 2.285.333.333 đồng, trong đó: tiền nợ gốc: 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 890.777.778 đồng, lãi quá hạn gốc: 394.555.556 đồng.

Nay, Ngân hàng N - Chi nhánh 11 - Phòng Giao dịch H yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên N trả số tiền 2.285.333.333 đồng, trong đó: tiền nợ gốc: 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 890.777.778 đồng, lãi quá hạn gốc: 394.555.556 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên N vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án. Đồng thời cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của Công ty TNHH Một thành viên N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : Ông Ao Trọng H vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án. Đồng thời cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông Hùng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : Ông Trần Duy Minh B, bà Cún Vây H, trẻ Trần Gia P, trẻ Trần Gia M trình bày : Gia đình ông B, bà H hiện thuê căn nhà số 13/1/1 Đường L, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc thuê nhà không ký hợp đồng và trong thời gian thuê nhà thì ông B, bà H không thay đổi hiện trạng hay sửa chữa gì trong căn nhà. Trường hợp Ngân hàng N - Chi nhánh 11 - Phòng Giao dịch H được quyền phát mãi căn nhà trên để thu hồi nợ thì gia đình ông B, bà H sẽ dời đi và trả lại nhà. Đồng thời có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N - Chi nhánh 11 - Phòng Giao dịch H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định Công ty TNHH Một thành viên N trả số tiền 2.285.333.333 đồng, trong đó: tiền nợ gốc: 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 890.777.778 đồng, lãi quá hạn gốc: 394.555.556 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày 27 tháng 7 năm 2017 trở đi Công ty TNHH Một thành viên N không trả hết nợ vay thì Ngân hàng N - Chi nhánh 11 - Phòng Giao dịch H được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp. Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên N không trả được, không trả đủ hoặc tài sản thế chấp không đủ trả số nợ trên thì ông Ao Trọng H là người bảo lãnh cá nhân cho khoản vay trên phải hoàn trả toàn bộ số tiền còn thiếu cho Công ty TNHH Một thành viên N.

Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ao Trọng H vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu ý kiến

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét, Ngân hàng N - Chi nhánh 11 - Phòng Giao dịch H (gọi là nguyên đơn) có đơn yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên N (gọi là bị đơn) thanh toán số tiền đã vay còn thiếu. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại, về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Xét, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Công ty TNHH Một thành viên N có địa chỉ trụ sở chính tại: 449/64 đường T, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân quận T là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng: Xét, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ao Trọng H. Tòa án đã triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nêu trên nhưng bị đơn và ông Ao Trọng H vắng mặt không lý do nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và ông Ao Trọng H theo quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về số tiền nợ gốc: nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu là 1.000.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng tín dụng số: 6480-LAV-201100064 ngày 25 tháng 01 năm 2011 giữa nguyên đơn và bị đơn và bản chi tiết giao dịch thể hiện bị đơn còn nợ số tiền gốc như trên nên yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Về số tiền nợ lãi: nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 26 tháng 10 năm 2011 đến ngày 26 tháng 7 năm 2017, trong đó lãi trong hạn là 890.777.778 đồng, lãi quá hạn gốc là: 394.555.556 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tại Hợp đồng tín dụng số: 6480-LAV-201100064 ngày 25 tháng 01 năm 2011 giữa nguyên đơn và bị đơn thì hai bên có thỏa thuận về lãi suất nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi trên nghĩa vụ thanh toán tương đương với thời gian bị vi phạm và khoản lãi quá hạn là có căn cứ.

[6] Xét, Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ao Trọng H đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện và số tiền nợ gốc và tiền lãi còn thiếu; đồng thời sự thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng tín dụng nêu trên là tự nguyện và không trái quy định pháp luật nên căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ hợp đồng tín dụng số: 6480-LAV-201100064 ngày 25 tháng 01 năm 2011, văn bản bảo lãnh cho cá

nhân thì ông Ao Trọng H cam kết trường hợp bị đơn không trả được, không trả đủ hoặc tài sản thế chấp không trả đủ số nợ trên thì ông Ao Trọng H là người bảo lãnh cá nhân cho khoản vay trên phải trả hoàn trả toàn bộ số nợ còn thiếu cho bị đơn. Xét yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[8] Về thời hạn thanh toán: Xét, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, nguyên đơn yêu cầu trả một lần số tiền trên là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Về án phí Dân sự sơ thẩm : Bị đơn phải chịu án phí trên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Một thành viên N trả cho nguyên đơn Ngân hàng N - Chi nhánh 11 - Phòng Giao dịch H tổng số tiền: 2.285.333.333 đồng (hai tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), trong đó: tiền nợ gốc: 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), lãi trong hạn là 890.777.778 đồng (tám trăm chín mươi triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng), lãi quá hạn gốc: 394.555.556 đồng (ba trăm chín mươi bốn triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng).

Thời hạn và phương thức thanh toán: trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài số tiền nêu trên, kể từ ngày 27 tháng 7 năm 2017 trở đi bị đơn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 6480-LAV-201100064 ngày 25 tháng 01 năm 2011 trên số nợ gốc thực nợ cho đến khi trả nợ xong.

Ngay khi bị đơn trả hết nợ gốc và lãi cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 45/2004 ngày 07 tháng 01 năm 2004 do Ủy ban nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp tại địa chỉ 37/9/1 (số mới 13/1/1) Đường L, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp bị đơn không thực hiện việc trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là nhà và đất tại địa chỉ : 37/9/1 (số mới 13/1/1) Đường L, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 45/2004 ngày 07 tháng 01 năm 2004 do Ủy ban nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh) để thu hồi nợ. Trong trường hợp bị đơn không thực hiện việc trả nợ được, không trả đủ nợ vay hoặc tài sản thế chấp phát mãi không trả đủ số nợ trên cho nguyên đơn thì ông Ao Trọng H là người bảo lãnh cá nhân cho khoản vay trên phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn thiếu cho nguyên đơn.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 77.706.666 đồng (bảy mươi bảy triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Hoàn lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 28.512.000 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm mười hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/2011/08833 ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHAN - CHỦ TỌA PHIÊN TOA**

Võ Tuấn Nhu

